TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2023
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Huy Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huỳnh K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố L, phường N, thị xã D, tỉnh P (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Như H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 12, ấp B, xã M, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh K trình bày:

Anh và chị Phan Thị Như H chung sống với nhau vào năm 2016, có tìm hiểu trước khoảng 02 năm nên hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G vào ngày 15-11-2016.

Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù, vợ chồng anh đã cố gắng nhưng vẫn không tìm được giải pháp khắc phục nên tháng

07-2018 chị H bỏ về nhà cha mẹ của chị H tại ấp B, xã M, huyện G sống cho đến nay. Kể từ ngày ly thân cho đến nay vợ chồng anh không có gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị Như H trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh K về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do anh K đi làm nhưng không phụ giúp kinh tế mà để một mình chị phải chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, khi chung sống cùng nhau mà vợ chồng chị lại không có con chung nên gia đình anh K gây áp lực cho chị dẫn đến vợ chồng chị không tìm được tiếng nói chung và chung sống không hạnh phúc. Đến tháng 7-2018 chị bỏ về nhà cha mẹ chị sống cho đến nay và không ai có thiện chí đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K.

Về con chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K đối với chị H, anh K được ly hôn với chị H; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K và chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh K và chị H chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay anh K có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh K thì thấy: Mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu phát sinh từ việc bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung và chung sống không hạnh phúc dẫn đến tháng 7-2018 chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị H tại ấp B, xã M, huyện G sống cho đến nay. Kể từ ngày ly thân đến nay anh chị không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Mặt khác, chị H cũng thống nhất với ý kiến của anh K về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và do vợ chồng chị chung sống không có con nên dẫn đến vợ chồng chị không hạnh phúc mà hay xảy ra cải nhau. Nay chị H đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của anh K nhưng do anh K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị mà phải đưa vụ án ra xét xử. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Huỳnh K đối với chị Phan Thị Như H. Anh K được ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Ghi nhận anh chị khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0025094 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh K đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí)

Võ Tuấn Anh